TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2019**/HSST
Ngày: **27/9/2019**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Văn Thành Nhiều**

2. Bà **Lê Thị Kiều Nga**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát *nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Bà **Trần Thu Anh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự thụ lý số 25/2019/HSST ngày 23 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/HSST-QĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Đặng Thị T1**, sinh năm 1993

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 5/12. Con ông Đặng Văn L, sinh năm 1949 và bà Trần Thị D, sinh năm 1947. Chồng: Lê Công T, sinh năm 1983. Con: 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. **Đặng Thị T2** (chị gái của Đặng Thị T1), sinh năm 1983.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: không biết chữ. Con ông Đặng Văn L, sinh năm 1949 và bà Trần Thị D, sinh năm 1947. Chồng: Ngô Văn L, sinh năm 1982. Con: Ngô Thị Kiều M, sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. **Bùi Thị Kim N**, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: công nhân. Trình độ học vấn: 06/12. Con ông Bùi Hữu C, sinh năm 1954 và bà Cao Thị Đ, sinh năm 1957.

Chồng: Lê Văn N, sinh năm 1980. Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. **Nguyễn Thị Bé B**, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: không biết chữ. Con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị Cà T (chết). Chồng: Đặng Văn U, sinh năm 1960. Con có 07 người, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. **Phan Thị H**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 5/12. Con ông Phan Văn M, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1955. Chồng: Võ Văn Thương, sinh năm 1982. Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Phạm Thị B (em ruột của bị cáo Phạm Thị Đ), sinh năm 1959.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: không biết chữ. Con ông Phạm Văn C, sinh năm 1929 (chết) và bà Võ Thị A, sinh năm 1926 (chết). Chồng: Võ Công C, sinh năm 1953. Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1981. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. **Phạm Thị Đ** (chị ruột của bị cáo Phạm Thị B), sinh năm 1955.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: làm ruộng. Trình độ học vấn: không biết chữ. Con ông Phạm Văn C, sinh năm 1929 (chết) và bà Võ Thị A, sinh năm 1926 (chết). Chồng: Nguyễn Văn N, sinh năm 1956. Con có 05 người, lớn nhất sinh 1976, nhỏ nhất sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. **Võ Thị T**, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Con ông Võ Văn B, sinh năm 1949 và bà Trương Thị T, sinh năm 1954. Chồng: Nguyễn Văn C, sinh năm 1990. Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 1992. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. **Huỳnh Thị V**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: 2/12. Con ông (không rõ là ai) và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1945. Chồng: Võ Văn C, sinh năm 1979. Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

10. **Lê Thị Y**, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Nội trợ. Trình độ học vấn: không biết chữ. Con ông Lê Văn T, sinh năm 1953 và bà Lê Thị L, sinh năm 1955. Chồng: Nguyễn Văn Đực E, sinh năm 1974. Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại điều tra theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo **Đặng Thị T2**:*

Ông **Bùi Đức Độ** - sinh năm 1965. Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ ngày 26/4/2019, Đội Cảnh sát tội phạm về hình sự, kinh tế và ma túy Công an huyện T, tỉnh Kiên Giang bắt quả tang phía sau nhà của bà Lê Thị L (Út Tồn), sinh năm 1953, trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang là mẹ chồng của Đặng Thị T1, sinh năm 1993, ngụ cùng địa chỉ trên có 01 chiếu bạc đang đánh bài loại bài tây 52 lá, hình thức chơi bài cào 3 lá ăn thua bằng tiền, khi bắt quả tang có 11 người liên quan gồm: Huỳnh Thị V, Nguyễn Thị Bé B, Phạm Thị Đ, Đặng Thị T2, Bùi Thị Kim N, Phạm Thị B, Phan Thị H, Võ Thị T, Lê Thị Y, Đặng Thị T1 và Nguyễn Văn T.

Tiến hành tạm giữ tại chiếu bạc gồm có: 01 (một) chiếc chiếu loại chiếu lác dùng để đánh bạc đã qua sử dụng, 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá trên chiếu dùng để đánh bạc đã qua sử dụng, 05 (năm) bộ bài tây loại 52 lá trên mái tôn chuồng gà chưa qua sử dụng; tiền Việt Nam 6.200.000đ (trong đó: thu trên chiếc chiếu lác tại chiếu bạc 3.400.000đ, thu cách chiếu bạc 2 mét 2.800.000đ).

Kiểm tra hành chính thu giữ điện thoại di động, tiền trên người của những người có mặt tại hiện trường gồm: Huỳnh Thị V số tiền 760.000đ và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J6+ màu đỏ đã qua sử dụng; Nguyễn Thị Bé B: 540.000đ; Phạm Thị Đ: 45.000đ; Võ Thị T: 23.000đ; Bùi Thị Kim N: 3.639.000đ; Phạm Thị B: 01 ĐTDĐ hiệu Samsung màu vàng gold đã qua sử

dụng; Phan Thị H: 570.000đ; Lê Thị Y: 501.000đ và 01 điện thoại hiệu Nokia 1280 màu đen đã qua sử dụng; Nguyễn Văn T: 2.310.000đ; Đặng Thị T1 tự giao nộp số tiền 15.000đ có được từ việc lấy xâu.

Qua kết quả điều tra xác định, vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 26/4/2019, Các bị cáo tham gia đánh bạc (đánh bài cào 3 lá) gồm: Huỳnh Thị V, Nguyễn Thị Bé B, Phạm Thị Đẹp, Đặng Thị T2, Bùi Thị Kim N, Phạm Thị Biết, Phan Thị H, Võ Thị T, Lê Thị Y, Đặng Thị T1. Hình thức chơi bài và cách ăn thua là: Có 06 tụ tham gia đặt tiền gồm 01 tụ cái và các tụ bài tham gia đặt tiền, tụ bài nhỏ nhất đặt 50.000đ, tụ bài lớn nhất đặt 100.000đ. Các tụ bài không ăn thua với nhau mà chỉ ăn thua với nhà cái. Mỗi tụ được chia 03 cây bài, sau đó cộng số nút trên ba cây bài nếu số chẵn là 10, 20 hoặc 30 là nhỏ nhất (gọi là bù), tụ bài nào có từ 01 đến 09 thì 09 nút là lớn nhất và tụ có nút lớn sẽ thắng tụ bài có nút nhỏ hơn; trường hợp ba cây bài có hình (cây bài tây) thì 03 tây sẽ là lớn nhất. Các bị cáo đã tham gia đánh bạc với vai trò như sau:

- Đặng Thị T1: lần đầu trực tiếp đứng ra tổ chức cho những người khác đánh bạc. T1 trực tiếp đi mua 10 bộ bài và lấy chiếc chiếu (loại chiếu lác) đem ra phần đất phía sau nhà của mẹ chồng là bà Lê Thị L cho những người này đánh bài nhằm mục đích lấy tiền xâu từ những người chơi. Hình thức xâu là sau khi kết thúc mỗi ván thì người làm cái xâu cho T1 từ 5.000đ-10.000đ tùy theo cái ăn hay thua. Khi người làm cái thua nhiều thì không xâu tiền. Trong ngày 26/4/2019, T1 xâu được 03 ván bài với số tiền 15.000đ thì con của T1 khóc nên T1 đi vào nhà, lúc này T1 nhờ chị chồng là Lê Thị Y lấy xâu dùm được 20.000đ thì bị Công an huyện T bắt quả tang. Số tiền T1 xâu được 15.000đ đã giao nộp lại cho Công an huyện T.

- Bùi Thị Kim N: lần đầu tham gia đánh bạc tại nhà bà Lê Thị L do Đặng Thị T1 tổ chức. Vào khoảng 15 giờ ngày 26/4/2019, bị cáo đi ngang nhà bà Lê Thị L là mẹ chồng của Đặng Thị T1 thì thấy có đánh bài ăn tiền nên tham gia và đem theo 3.839.000đ sử dụng vào mục đích đánh bạc, lấy ra 200.000đ ra để đặt, Bùi Thị Kim N trực tiếp tham gia đặt 01 tụ bài và thua một bàn 100.000đ, đến ván thứ 2 thì bài vừa chia xong chưa kịp xem bài thì bị bắt quả tang và bị Cơ quan Công an tạm giữ số tiền 3.639.000đ.

- Huỳnh Thị V: lần đầu tham gia đánh bạc tại nhà bà Lê Thị L do Đặng Thị T1 tổ chức, vào khoảng 13 giờ 40 phút ngày 26/4/2019 có đến tham gia đánh bạc và đem theo trong người số tiền 560.000đ để đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc khoảng 06 ván bài, Huỳnh Thị V thắng được 200.000đ thì bị bắt quả tang và bị cơ quan Công an tạm giữ số tiền 760.000đ.

- Phan Thị H: lần đầu tham gia đánh bạc tại nhà bà Lê Thị L do Đặng Thị T1 tổ chức, vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 26/4/2019, đem theo 320.000đ để đánh bạc, đã sử dụng 50.000đ trực tiếp đặt 01 tụ bài và thắng được 250.000đ thì

bị bắt quả tang và bị cơ quan Công an tạm giữ 570.000đ.

- Võ Thị T : lần đầu tham gia đánh bạc tại nhà bà Lê Thị L do Đặng Thị T1 tổ chức, vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 26/4/2019, đem theo 232.000đ để đánh bạc. Võ Thị T đặt chung một tụ với một người phụ nữ tham gia chơi bài chung (không rõ họ tên và địa chỉ, khi Công an đến bắt quả tang đã trốn thoát hiện nay chưa biết là ai). Võ Thị T chơi khoảng 15 ván bài và thua hết 200.000đ thì bị bắt quả tang và bị cơ quan Công an tạm giữ số tiền 23.000đ.

- Phạm Thị B: lần đầu tham gia đánh bạc tại nhà bà Lê Thị L do Đặng Thị T1 tổ chức, vào khoảng 15 giờ ngày 26/4/2019 bị cáo đem theo 100.000đ đến nhà bà Lê Thị L để mua rượu hết 50.000đ thì thấy sau nhà có sòng bài đang chơi ăn thua bằng tiền nên Phạm Thị B hùn chung 50.000đ còn lại với tụ bài của chị ruột là Phạm Thị Đ để chơi 01 bàn thì thua hết tiền, sau đó bị cáo đứng xem những người còn lại chơi thì bị bắt quả tang.

- Nguyễn Thị Bé B: lần đầu tham gia đánh bạc tại nhà bà Lê Thị L do Đặng Thị T1 tổ chức, vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 26/4/2019, bị cáo đến sòng bạc và đem theo 700.000đ để đánh bạc. Bé B sử dụng 50.000đ trực tiếp đặt 01 tụ bài, khi tham gia đánh bạc thua hết 160.000đ thì bị bắt quả tang và bị cơ quan Công an tạm giữ số tiền 540.000đ.

- Đặng Thị T2: lần đầu tham gia đánh bạc tại nhà bà Lê Thị L do Đặng Thị T1 (em ruột của T2) tổ chức, khoảng 15 giờ ngày 26/4/2019 bị cáo đi đến nhà bà L chơi thì thấy có sòng bài đang đánh sau nhà nên tham gia. Khi tham gia đánh bạc đem theo 400.000đ sử dụng vào mục đích đánh bạc, T2 sử dụng 50.000đ trực tiếp đặt 01 tụ bài, tham gia khoảng 10 ván bài thì thua hết tiền và bị bắt quả tang.

- Phạm Thị Đ: lần đầu tham gia đánh bạc tại nhà bà Lê Thị L do Đặng Thị T1 tổ chức, khoảng 15 giờ ngày 26/4/2019, sau khi mua rượu tại nhà bà L xong, thấy sau nhà có sòng bài đang chơi ăn thua bằng tiền nên bị cáo vào tham gia đánh bạc và đem theo số tiền 195.000đ sử dụng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo trực tiếp đặt 01 tụ bài, chơi được 03 ván bài thua hết 150.000đ, trong đó có 01 ván bài hùn chung 50.000đ với em ruột là bị cáo Phạm Thị B thì bị bắt quả tang và bị Công an tạm giữ 45.000đ.

- Lê Thị Y: không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng lần đầu tiên giúp sức lấy xâu dùm cho em dâu là Đặng Thị T1 đang tổ chức đánh bạc. Khoảng 15 giờ ngày 26/4/2019, Y đang đứng sau nhà (bên cạnh nhà mẹ ruột là bà Lê Thị L) thì Đặng Thị T1 nhờ Y đi ra sau nhà lấy xâu dùm vì con của T1 đang khóc, Y đồng ý đi đến sòng bạc đứng xem khoảng 5 phút và lấy tiền xâu từ người làm cái là một người đàn ông khoảng 35 tuổi (không biết là ai) số tiền 20.000đ và ném vào chiếu bạc khi bị lực lượng Công an bắt quả tang. Cơ quan Công an tạm giữ 501.000đ là tiền tiêu xài cá nhân của Y.

* Qua kết quả điều tra xác định Nguyễn Văn T có mặt tại sòng bạc để xin tiền điều trị bệnh vào thời điểm Cơ quan Công an bắt quả tang nhưng không tham gia đánh bạc.

Bà Lê Thị L (Út Tồn) không biết và cũng không cho con dâu là Đặng Thị T1 tổ chức đánh bài ở nhà mình. T1 có điện thoại hỏi, bà L không cho nhưng T1 vẫn tổ chức cho những người khác vào nhà đánh bạc. Khi về nhà thấy sòng bạc, bà L yêu cầu T1 giải tán thì bị Công an bắt quả tang.

Ngoài các bị cáo tham gia đánh bạc bị bắt quả tang, còn có các đối tượng khác có tham gia đánh bạc nhưng đã trốn thoát khi lực lượng Công an bắt quả tang là một người thanh niên khoảng 35 tuổi (không rõ họ tên và địa chỉ) tham gia đánh bạc với vai trò làm cái và một người phụ nữ tham gia đặt chung tụ bài với Võ Thị T (không rõ họ tên và địa chỉ). Tuy nhiên, qua các lời khai và biên bản hỏi cung của những người tham gia đánh bạc chung thì không xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể của những người trên.

Bản Cáo trạng số 24/2019/CT-VKSTH ngày 22/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang: Truy tố các bị cáo Lê Thị Y, Đặng Thị T1, Huỳnh Thị V, Nguyễn Thị Bé B, Phạm Thị Đẹp, Đặng Thị T2, Bùi Thị Kim N, Phạm Thị B, Phan Thị H, Võ Thị T về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như đã diễn dẫn nêu trên. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đặng Thị T1 từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị V từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé B từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Đ từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Kim N từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

Xử phạt bị cáo Phạm Thị B từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

Xử phạt bị cáo Phan Thị H từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

Xử phạt bị cáo Võ Thị T từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Đề ngị xử phạt bị cáo Đặng Thị T2 và bị cáo Lê Thị Y hình phạt cải tạo không giam giữ từ 06 tháng đến 09 tháng, đề nghị cho bị cáo Y và T2 được miễn khấu trừ thu nhập. Đề nghị giao các bị cáo cho UBND xã T giám sát, giáo

dục.

*** Về xử lý vật chứng**:

- Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

01 (một) chiếc chiếu loại chiếu lác dùng để đánh bạc đã qua sử dụng, 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng, 05 (năm) bộ bài tây loại 52 lá chưa qua sử dụng; là vật chứng dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền Việt Nam dùng vào việc đánh bạc là **11.792.000đ** (Mười một triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng) cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước, trong đó: Số tiền thu trên chiếc chiếu lác tại chiếu bạc 3.400.000đ, số tiền thu cách chiếu bạc 02 mét 2.800.000đ. Thu giữ của những người tham gia đánh bạc là Huỳnh Thị V số tiền 760.000đ; Nguyễn Thị Bé B: 540.000đ; Phạm Thị Đ: 45.000đ; Võ Thị T: 23.000đ; Bùi Thị Kim N: 3.639.000đ; Phan Thị H: số tiền 570.000đ; Đặng Thị T1 tự giao nộp số tiền 15.000đ. Tất cả các số tiền trên hiện được tạm nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước huyện T, tỉnh Kiên Giang để đảm bảo cho việc xét xử và thi hành án.

Ông Bùi Đức Đ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Đặng Thị T2: Thống nhất với bản cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Đặng Thị T2 phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cũng hoàn toàn thống nhất với tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã áp dụng cho bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngoài ra bị cáo còn hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51, là hộ nghèo, nhận thức thấp, bị cáo không biết chữ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo trong mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T2 vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

Sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát luận tội, các bị cáo nhận tội, không tranh luận gì thêm với đại diện Viện kiểm sát. Tại phần nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người

nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, biên bản bắt phạm tội quả tang và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Đặng Thị T1, là con dâu của bà Lê Thị L lần đầu tổ chức cho những người khác đánh bạc vào ngày 26/4/2019 tại nhà bà L thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Bị cáo T1 đã cung cấp chiếc chiếu lác và trực tiếp mua bài tây loại 52 lá cho: Huỳnh Thị V, Nguyễn Thị Bé B, Phạm Thị Đ, Đặng Thị T2, Bùi Thị Kim N, Phạm Thị B, Phan Thị H, Võ Thị T tham gia đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền với hình thức đánh bài cào 03 (ba) lá, với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 11.792.000đ (Mười một triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng). Trong đó, Đặng Thị T1 thu tiền xâu, thu lợi bất chính tại chiếu bạc này được số tiền 15.000đ và bị cáo Lê Thị Y đã giúp sức thu tiền xâu, thu lợi bất chính dùm bị cáo Đặng Thị T1 số tiền 20.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đặng Thị T1 thừa nhận đồng ý cho mọi người vào nhà mẹ chồng là bà Lê Thị L đánh bạc lấy tiền xâu, bị cáo lấy chiếc chiếu lát và mua các bộ bài tây để mọi người cùng tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang; bị cáo Lê Thị Y thừa nhận thu tiền xâu giúp cho em chồng là bị cáo T1 được 20.000đ. Hành vi của bị cáo Đặng Thị T1 và Lê Thị Y chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức đánh bạc" hoặc "Gá bạc", nhưng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc".

Các bị cáo: bị cáo Bùi Thị Kim N thừa nhận đem theo 3.839.000đ để đánh bạc; bị cáo Huỳnh Thị V thừa nhận đem theo 560.000đ để đánh bạc; bị cáo Phan Thị H thừa nhận đem theo 320.000đ để đánh bạc; bị cáo Võ Thị T thừa nhận đem theo 232.000đ để đánh bạc; bị cáo Phạm Thị B thừa nhận đem theo 50.000đ để đánh bạc; bị cáo Nguyễn Thị Bé B thừa nhận đem theo 700.000đ để đánh bạc; bị cáo Đặng Thị T2 thừa nhận đem theo 400.000đ để đánh bạc; bị cáo Phạm Thị Đ thừa nhận đem theo 195.000đ để đánh bạc. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang truy tố các bị cáo Lê Thị Y, Đặng Thị T1, Huỳnh Thị V, Nguyễn Thị Bé B, Phạm Thị Đ, Đặng Thị T2, Bùi Thị Kim N, Phạm Thị B, Phan Thị H, Võ Thị T về tội "Đánh bạc" về tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm vào lĩnh vực trật tự cộng đồng, gây mất an ninh trật tự tại nơi

xảy ra vụ án. Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức được đánh bạc là hành vi vi phạm pháp luật, bởi đây là hình thức đánh bạc được ăn thua bằng tiền bị Nhà nước nghiêm cấm, nó là một tệ nạn xã hội, là một trong những nguyên nhân dẫn đến tan vỡ hạnh phúc gia đình, kiệt quệ kinh tế và dẫn đến các loại tội phạm khác, trong vụ án này đa phần các bị cáo đều có nghề nghiệp ổn định, nhưng không lo lao động chính đáng mà ngược lại vì vụ lợi mà các bị cáo tham gia sát phạt ăn thua bằng tiền một cách trái pháp luật, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc trong vụ án này là **11.792.000đ** (Mười một triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng). Do đó, xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm là cần thiết, để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án là đồng phạm giản đơn, không phân công tổ chức, hành vi phạm tội tự phát, các bị cáo rủ nhau vào nhà bà L do bị cáo T1 là con dâu đã đồng ý cho các bị cáo vào nhà đánh bạc để lấy tiền xâu, chiếu trải ra đánh bạc có sẵn trong nhà, còn các bộ bài tây là của bị cáo T1 chuẩn bị; bị cáo Y lấy tiền xâu dùm bị cáo T1; các bị cáo khác tham gia đánh bạc với vai trò tích cực ngang nhau, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với từng hành vi phạm tội của mình.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Bị cáo Đặng Thị T2 gia đình có hoàn cảnh khó khăn (có sổ hộ nghèo); và bị cáo Đặng Thị T1 đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Lê Thị Y không tham gia đánh bạc nhưng là đồng phạm giúp sức, vai trò không đáng kể lấy tiền xâu dùm cho bị cáo T1 được 20.000đ, tuy nhiên cũng cần xem xét cho bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không nghề nghiệp, không có khả năng lao động và đang điều trị bệnh thoát vị đĩa đệm và thoái hóa cột sống.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát đề nghị hình phạt cải tạo không giam giữ miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đặng Thị T2 và bị cáo Lê Thị Y là phù hợp và có căn cứ, nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi lượng hình.

Do vậy, xử phạt các bị cáo trong mức án đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ sức răn đe và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình

sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc chiếu loại chiếu lác dùng để đánh bạc đã qua sử dụng, 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng, 05 (năm) bộ bài Tây loại 52 lá chưa qua sử dụng.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước tiền Việt Nam 11.792.000đ *(Mười một triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng);* là tiền dùng vào việc đánh bạc. Trong đó: Số tiền thu trên chiếc chiếu lác tại chiếu bạc 3.400.000đ, số tiền thu cách chiếu bạc 02 mét 2.800.000đ. Thu giữ của những người tham gia đánh bạc là Huỳnh Thị V số tiền 760.000đ; Nguyễn Thị Bé B: số tiền 540.000đ; Phạm Thị Đ: số tiền 45.000đ; Võ Thị T: số tiền 23.000đ; Bùi Thị Kim N: số tiền 3.639.000đ; Phan Thị H: số tiền 570.000đ; Đặng Thị T1 tự giao nộp số tiền 15.000đ.

Số tiền trên được nộp theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.1055190.000000 tại Kho bạc Nhà nước huyện T, tỉnh Kiên Giang của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

[7] Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T xác định những vật chứng không liên quan đến vụ án, nên đã trả lại cho bị cáo Lê Thị Y số tiền 501.000đ và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen 1280; trả lại cho bị cáo Phạm Thị B 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng gold; trả lại cho bị cáo Huỳnh Thị V: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J6+ màu đỏ; là phù hợp.

* Qua kết quả điều tra xác định Nguyễn Văn T chỉ đến để xin tiền điều trị bệnh, không tham gia đánh bạc nên không xem xét xử lý; là phù hợp.

Đối với bà Lê Thị L (Út Tồn) không biết việc Đặng Thị T1 tổ chức đánh bài ở nhà mình, khi phát hiện ra có yêu cầu T1 giải tán nhưng chưa kịp nghỉ thì bị Công an bắt quả tang. Do đó chưa đủ căn cứ để xử lý.

Người thanh niên khoảng 35 tuổi (không rõ họ tên và địa chỉ) tham gia đánh bạc với vai trò làm cái và một người phụ nữ tham gia đặt chung tụ bài với Võ Thị T (không rõ họ tên và địa chỉ) đã chạy thoát khi cơ quan Công an bắt quả tang. Những người tham gia đánh bạc chung không biết là ai nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh và xử lý sau.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6 và Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo T2 được miễn án phí do thuộc diện hộ nghèo. Các bị cáo còn lại phải chịu án phí hình sự sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Thị T1, Huỳnh Thị V, Nguyễn Thị Bé B, Phạm Thị Đ, Đặng Thị T2, Bùi Thị Kim N, Phạm Thị B, Phan Thị H, Võ Thị T, Lê Thị Y phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

+ Xử phạt bị cáo Đặng Thị T1 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng)

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị V 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé B 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

+ Xử phạt bị cáo Phạm Thị Đ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

+ Xử phạt bị cáo Bùi Thị Kim N 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

+ Xử phạt bị cáo Phạm Thị B 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

+ Xử phạt bị cáo Phan Thị H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

+ Xử phạt bị cáo Võ Thị T 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị Y 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Thị T2 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập.

Giao bị cáo Đặng Thị T2 và bị cáo Lê Thị Y cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Lê Thị Y, Đặng Thị T2 là ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục là Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang nhận được quyết định thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc chiếu loại chiếu lác dùng để đánh bạc đã qua sử dụng, 01 (một) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng, 05 (năm) bộ bài tây loại 52 lá chưa qua sử dụng.

Các vật chứng trên, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số 22/QĐ-VKSTH ngày 22/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước tiền Việt Nam 11.792.000đ (Mười một triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng); là tiền dùng vào việc đánh bạc. Trong đó: Số tiền thu trên chiếc chiếu lác tại chiếu bạc 3.400.000đ, số tiền thu cách chiếu bạc 02 mét 2.800.000đ. Thu giữ của những người tham gia đánh bạc

là Huỳnh Thị V số tiền 760.000đ; Nguyễn Thị Bé B: số tiền 540.000đ; Phạm Thị Đ: số tiền 45.000đ; Võ Thị T: số tiền 23.000đ; Bùi Thị Kim N: số tiền 3.639.000đ; Phan Thị H: số tiền 570.000đ; Đặng Thị T1 tự giao nộp số tiền 15.000đ.

Số tiền trên được nộp theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.1055190.000000 tại Kho bạc Nhà nước huyện T, tỉnh Kiên Giang của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6 và Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Thị T2 được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Buộc các bị cáo Đặng Thị T1, Huỳnh Thị V, Nguyễn Thị Bé B, Phạm Thị Đ, Bùi Thị Kim N, Phạm Thị B, Phan Thị H, Võ Thị T, Lê Thị Y mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo, người TGTT;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến